TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24–02-2023
V/v: *"Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Học

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khải

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đới Thị L, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Phú N, xã Phú R, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai Xuân T trình bày:*

Ông và bà Đới Thị L nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, sống chung với nhau từ năm 2005, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 21/7/2005 tại UBND xã P, huyện P (nay là P), tỉnh Bình Phước. Trong đời sống hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau và một phần do điều kiện kinh tế khó khăn. Hai người đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nay ông Tùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đới Thị L.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, ông và bà L có 04 người con chung là cháu Mai Vân A, sinh năm 2005; Mai An P, sinh năm 2007;

Mai An K, sinh năm 2013; Mai Ánh T, sinh năm 2014. Khi ly hôn ông đồng ý để bà L là người nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

+ *Về tài sản và nợ chung:* Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bân công việc và không sắp xếp được thời gian nên ông T đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

* *Bị đơn bà Đới Thị L trình bày:* Về quan hệ hôn nhân thống nhất như lời trình bày của ông T; Về con chung bà thống nhất được nuôi dưỡng và chăm sóc các con và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung nợ chung.

Bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tùng về yêu cầu ly hôn.

+ *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, bà L, giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên chưa yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản và nợ chung:* Do các bên chưa yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và thủ tục xét xử vắng mặt:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" do nguyên đơn ông Mai Xuân T thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện bà Đới Thị L có nơi đăng ký thường trú tại Thôn Phú N, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ông T và bà L tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, sống chung với nhau từ năm 2005, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 21/7/2005 tại UBND xã P, huyện P (nay là P), tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm kết hôn cả ông T và bà L và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn

nhân giữa ông T, bà L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của ông T và kết quả xác minh tại địa phương, xác định: Trong quá trình chung sống, ông T và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau và một phần do điều kiện kinh tế khó khăn và hiện hai người đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Đến nay, vợ chồng đã không có giải pháp gì khắc phục được tình trạng hôn nhân, không thể đoàn tụ được nữa và đều muốn ly hôn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của ông T, bà L mâu thuẫn trầm trọng, cả hai ông bà đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông T được ly hôn với bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình chung sống, ông T, bà L có 04 người con Mai Vân A, sinh năm 2005; Mai An P, sinh năm 2007; Mai An K, sinh năm 2013; Mai Ánh T, sinh năm 2014. Khi ly hôn, ông T, bà L thống nhất để bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện các cháu đang sống với bà L. Căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, cần giao các cháu P, K và cháu T cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của ông T bà Lvề phần này được chấp nhận.

Đối với cháu Mai Vân A, sinh năm 2005 hiện cháu đã 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Các đương sự chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và nợ chung*: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Xuân T

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Xuân T được ly hôn với bà Đới Thị L

+ Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Mai An P, sinh năm 2007; Mai An K, sinh năm 2013; Mai Ánh T, sinh năm 2014 cho bà Đới Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết bà L, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Ông T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019987, ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Duy Học